

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

## TỪ "MOON" TRONG TIẾNG ANH

(có so sánh về ngôn ngữ - văn hoá với từ "TRĂNG")

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

(ThS, Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh)

Để chỉ vệ tinh - người bạn đường gần gũi như hình với bóng của Trái đất, người Anh dùng từ "moon", còn người Việt có từ "trăng". Đây là những từ quá đỗi bình thường, nhưng nếu để tâm xem xét và ngẫm nghĩ, ta thấy chúng cũng có những điều lí thú.

Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt nói đến các chuyện từ nguyên, tên gọi, từ loại, nghĩa và khả năng kết hợp của "moon" trong tiếng Anh và "trăng" trong tiếng Việt.

Về mặt từ nguyên, "moon" bắt nguồn từ "mensis" trong tiếng Latinh, nghĩa là "tháng". Trong tiếng Hi Lạp cổ, "mēnas" nghĩa là "tháng", còn "mēnē" là "trăng". Từ "mesjasch" của tiếng Nga vừa có nghĩa là "tháng", vừa có nghĩa là "trăng", chắc là cũng có nguồn gốc từ tiếng Latinh và Hi Lạp. Trong tiếng Việt, dạng cổ của "trăng" là "bằng"/"mlăng" và "trăng" cũng có nghĩa là "tháng" (âm lịch): "Ngày về hên đến cuối trăng", "lúa ba giăng/trăng". Như vậy, cả ở phương Tây lẫn phương Đông, "moon" "mesjasch" và "trăng" đều được gắn với cùng một khoảng thời gian độ 28-30 ngày.

Về tên gọi, người Anh còn gọi "moon" là "Mr.Moon" ("Ngài/Ông Trăng"; nhà thơ Carmen có câu: "Mister Moon drops his endless tears" - "Ngài Trăng lã chã giọt châu"), "Lady Moon" ("Bà/Cô Trăng", trong bài thơ cùng tên của D.Coolbrith), do đó trăng còn được gọi là "she" ("nàng"), "sister" ("chị"). Người Việt cũng có cách nói: "Ông trăng/ông giăng" (đối lập với "ông trời/ông giời") và "chị Hằng"/"à Hằng". Phải chăng với cả hai dân tộc, "moon" và "trăng" đều là "ái nam ái nữ" (!), nói theo giới trẻ ngày nay là "Hi Fi" (đọc

là "hai phai") (!). Người Việt còn có nhiều tên gọi nữa cho "trăng", đó là: "nguyệt" ("Đêm thanh nguyệt hiện ngoài hiên trúc" - Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, "Ô kia, bóng nguyệt trần trường tắm" - Hàn Mặc Tử), "nga" ("Gương nga vằng vặc đầy song" - Kiều), "thờ" ("thỏ lặn ác tà"), "thỏ bạc", "thỏ ngọc", "ngọc thờ", "thỏ lạnh" và "thái âm" (trong tử vi).

Về từ loại, trong khi tiếng Việt chỉ có danh từ "trăng"/"giăng", thì tiếng Anh còn có động từ "moon", các tính từ "moony", "mooned". Ngoài ra cũng có tính từ "lunar" ("lunar month" là tháng âm lịch) và "lunate" (có hình lưỡi liềm).

Về nghĩa, nội dung của "moon" rộng hơn "trăng". Nó còn chỉ vệ tinh tự nhiên nói chung của một hành tinh, chứ không phải chỉ của Trái đất (nine moons of Jupiter - chín vệ tinh của sao Mộc). Vì thế khi được viết hoa thành (the) "Moon" thì đó có nghĩa là "Mặt trăng", đối lập với (the) "Earth" - Trái đất (trong tiếng Việt, có sự phân biệt giữa "trăng" và "Mặt trăng": nói, "đổ bộ lên Mặt trăng", nhưng không nói "Mặt trăng lưỡi liềm", "Mặt trăng thu").

Về khả năng kết hợp, trong khi người Anh chỉ có thể nói: "a moon", "the moon", thì người Việt có rất nhiều cách nói: "mảnh trăng" ("Mảnh trăng cuối rừng" - truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu), "vàng trăng"/"vùng trăng" ("Vùng trăng ai xẻ làm đôi" - Kiều), "vành trăng" ("Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời" - Kiều), "tắm trăng" ("Về non xa tắm trăng gần ở chung" - Kiều).

Về các thời kì hiện diện của trăng, trong khi người Anh nói: “new moon” (trăng mới), “crescent moon” (trăng phình bụng nhọn đầu), “half moon” (trăng nửa), “waning moon” (trăng tụt), “waxing moon” (trăng đầy lên), “full moon” (trăng đầy), thì người Việt gọi một cách tương ứng lần lượt là: “trăng non” hoặc “trăng sóc” (cũng có “trăng mới”: “Mây ai trăng mới in ngần” - Kiều); “trăng lưỡi liềm”; không có cách gọi tương đương với “half moon” (trăng nửa); “trăng khuyết”/ “trăng tàn”, “trăng lẹm” (“Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa” - Kiều); không có cách gọi tương đương với “waxing moon” (trăng đầy lên); “trăng tròn”/ “trăng vọng”/ “trăng rằm”.

Tiếng Việt còn có “trăng treo” (trăng nửa cuối tháng âm lịch, đêm đến đã thấy sẵn trên trời - như có ai treo lên (?!): “Mười sáu trăng treo”). Là người dân xứ nông nghiệp có hoạt động sản xuất gắn chặt với sự hiện diện của trăng, nên người Việt miêu tả hình dáng của trăng trên trời khá tỉ mỉ: “Mông một lưỡi trai, Mông hai lá lúa/mạ, Mông ba câu liềm, Mông bốn lưỡi liềm, Mông năm liềm giắt”,... Rồi còn phân biệt theo thời gian trong tháng: “trăng thượng huyền” (thường vào các ngày 7,8,9 âm lịch, mặt trăng đầy dần lên, có hình bán nguyệt), “trăng hạ huyền” (thường vào các ngày 22 hoặc 23 âm, mặt trăng đã khuyết thành hình bán nguyệt).

Để chỉ sự chuyển động của trăng, cũng có sự khác biệt trong cách diễn đạt. Khi trông thấy mặt trăng trên bầu trời, người Anh nói: “The moon came out”, ngụ ý rằng (tiền giả định rằng) nó ẩn náu ở đâu đó (dưới chân trời hay sau đám mây) và bây giờ thì đến bầu trời (came) và hiện ra (xuất đầu lộ diện) (out). Còn khi họ nói: “The moon came up” là ngụ ý rằng nó trở lại bầu trời và đi lên cao. Hai trường hợp này có thể được diễn giải là: “Trăng hiện ra” và “Trăng lên” (với trường hợp thứ hai, trong văn viết (formal), người Anh dùng từ “rise” - lên). Ngược lại với “come up” và “rise” là “set” (xuống). Cũng với những hiện tượng trên,

người Việt nói: “Trăng hiện (ra sau đám mây)”, ngụ ý rằng nó không phải đi từ đâu đến, mà vốn có mặt ở trên trời, chỉ vì bị che khuất, nên bây giờ mới lộ ra. Là cư dân nông nghiệp, gần gũi với cỏ cây, sông nước, người Việt cho rằng “trăng mọc” (như cây mọc) và “trăng lặn” (xuống nước, như cá).

Trong tiếng Việt, “trăng” kết hợp với các từ chỉ sự vật tự nhiên khác, như “gió”, “hoa”, lại là cách diễn đạt rất tế nhị, kiểu uyển ngữ, đối với chuyện quan hệ yêu đương nam nữ ở các mức độ khác nhau. “Trăng gió”/ “giăng gió”/ “gió trăng” là cái chuyện như vậy: “Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng” (Kiều), “buông lời trăng gió” (tức là tán tỉnh đàn bà con gái), “phường trăng gió” (bọn đàn ông hay có quan hệ thiếu đứng đắn với đàn bà con gái), “chuyện trăng gió” (chuyện yêu đương nhăng nhít). “Trăng hoa”, “thối trăng hoa” là chuyện quan hệ nam nữ bất chính, lăng nhăng. Trong khi “trăng” của tiếng Việt khá là thi vị, bóng bẩy thì “moon” lại có một nghĩa có thể gây sốc cho người Việt: trong tiếng lóng, danh từ “moon” có nghĩa là cái mông trần khi quần bị trật ra. Còn động từ “moon” thì có nghĩa là trật mông ra hướng về phía ai đó (để chọc tức, để tỏ ý khinh bỉ, chế nhạo...). Xem ra, trong con mắt của người Việt, cách so sánh mặt trăng của người Anh thật là kì quặc vậy!

Chỉ một từ “moon” và “trăng” thôi cũng cho ta thấy nhiều chuyện lí thú trong cách tri nhận thế giới của người Anh và người Việt. Từ ngữ đúng là cái kho tàng ngôn ngữ-văn hoá mà ta cần phải ra sức khai thác để mở mang hiểu biết và tăng thêm lòng yêu ngôn ngữ.

#### Tài liệu tham khảo

1. *Longman dictionary of the English language*, 1984.
2. *Oxford collocations dictionary for students of English*, 2003.
3. *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học), 2000.
4. *Từ điển Việt-Anh* (Ban biên soạn từ điển Gia Vũ), 2011.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-09-2010)